

Bản án số 303/2020/HC-PT
Ngày 26-8-2020
V/v: khiếu kiện quyết
định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Hải Thanh;
ông Phạm Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: ông Bùi Ngọc Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 79/2020/TLPT-HC ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc khiếu kiện quyết định hành chính, do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án số 15/2019/HC-ST ngày 25-4-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5995/2020/QĐ-PT ngày 13-8-2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Phạm Thị H sinh năm 1955; trú tại: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z, vắng mặt (có đơn xin hoãn phiên tòa).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Z.

Người đại diện hợp pháp: ông Đỗ Văn S - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên quan:

1. Bà Lê Thị Bích A, trú tại: nhà số x I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Q, vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị Ng, chị Phạm Thị Th, đều trú tại: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z, vắng mặt.

3. Anh Phạm Văn D và chị Đỗ Thị Ngọc B, trú tại: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z. Anh D có mặt, vắng mặt chị B.

Người đại diện theo ủy quyền của anh D: ông Bùi Đăng Hi trú tại t dãy U, ngõ y, phố V, phường M, quận Đa, thành phố Hà Nội, có mặt.

4. Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị O, trú tại: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị O: bà Nguyễn Thị Lg trú tại nhà số i ngách e, phố Vt, phường Ô, quận Đa, thành phố Hà Nội, có mặt.

5. Anh Vũ Đình Đ và chị Bùi Thị C, đều trú tại: thôn E, xã X, huyện Y, tỉnh Z. Anh Đ có mặt, vắng mặt chị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối thoại, người khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 360 QSDĐ/GK ngày 30-12-2003 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Y cấp mang tên cụ Đặng Thị F tại thửa số 158, tờ bản đồ số 3 diện tích 475 m² địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00099 ngày 18-5-2015 do UBND huyện Y cấp mang tên Phạm Văn D và Đỗ Thị Ngọc B tại thửa số 170a, tờ bản đồ số 21 diện tích 279 m² địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

3. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 744807 vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH 00100 ngày 18-5-2015 diện tích 191 m² tại thửa số 170, tờ bản đồ số 21 mang tên Phạm Văn T và Bùi Thị O.

4. Phân chia di sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 158 tờ bản đồ số 3 diện tích 475 m², địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z theo quy định của pháp luật; sau đó, người khởi kiện đã rút yêu cầu này.

Với lý do: bố mẹ bà là cụ Phạm Văn K và cụ Đặng Thị F có 04 người con là bà Phạm Thị Hp, sinh năm 1937 mất năm 2006; ông Phạm Tuấn Đc, sinh năm 1950 mất năm 2011; ông Phạm Văn Th (liệt sĩ) và bà Phạm Thị H. Trong quá trình sinh sống, bố mẹ bà có tạo dựng được khối tài sản chung là diện tích 475 m² đất (bao gồm 300 m² đất ở và 175 m² đất vườn) tại thửa số 158 tờ bản đồ số 03 địa chỉ tại thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z được đăng ký trên sổ sách quản lý đất đai của xã mang tên cụ Đặng Thị F.

Năm 1986 cụ K chết không để lại di chúc, năm 2002 cụ F đứng ra làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất nêu trên, đến ngày 30-12-2003 được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận QSD đất số Q314512 tại thửa số 158 tờ bản đồ số 03 địa chỉ tại thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z diện tích 475 m² mang tên cụ Đặng Thị F. Việc cụ F tự ý đứng ra kê khai và làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận QSD chưa được sự thống nhất, đồng ý của các đồng thừa kế khác là các con của cụ K.

Tại Biên bản họp gia đình ngày 24-3-2011 gồm: cụ F, ông Phạm Văn J, anh Phạm Văn D, chị Phạm Thị Ng, cháu Phạm Thị Dp (là con trai, con gái ông

J); chị Phạm Thị Th (là vợ anh Phạm Tuấn Ah - con trai ông J) đã họp và thống nhất giao thửa đất nêu trên cho vợ chồng anh D sử dụng để tiện trông nom chăm sóc cụ F và hương khói cho cụ K. Trong buổi họp có ghi tên bà H và có chữ ký của bà H trong biên bản họp; tuy nhiên, bà H xác định không được tham gia và cũng không ký vào bất kỳ biên bản nào và chữ ký của bà trong biên bản họp gia đình là giả mạo. Mặt khác, buổi họp không có mặt chị Lê Bích A là con gái bà Phạm Thị Hp một trong các đồng thừa kế của cụ K.

Ngày 28-3-2011 cụ F có đơn đề nghị đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đồng thời lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất nêu trên cho vợ chồng anh D, chị B. Ngày 29-3-2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng tài nguyên và môi trường huyện Y thực hiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất từ cụ F sang vợ chồng anh D chị B vào trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất mới theo quy định.

Ngày 21-01-2015 anh D, chị B làm thủ tục chuyển nhượng một phần diện tích đất là 191 m² của thửa đất nêu trên cho vợ chồng anh T, chị O. Ngày 18-5-2015, UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 744807 cho anh T và chị O tại thửa đất số 170, tờ bản đồ số 3 diện tích 191 m² và cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 744808 cho anh D chị B tại thửa số 170a tờ bản đồ số 3 diện tích 279 m². Phần diện tích 279 m² còn lại anh D đã bán cho vợ chồng anh Đ, chị C vào tháng 8/2017 được lập hợp đồng mua bán nhưng chưa thực hiện việc sang tên vì bà H có đơn khởi kiện.

Từ những căn cứ trình bày nêu trên bà H xác định việc cụ F tự mình làm thủ tục đề được cấp giấy chứng nhận QSD đất khi chưa được sự đồng ý của các đồng thừa kế và giả mạo chữ ký của bà trong biên bản họp ngày đình ngày 24-3-2011 để giao toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất cho vợ chồng anh D, chị B là không đúng quy định của pháp luật.

Theo đơn yêu cầu của bà Phạm Thị H, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của bà H có trong biên bản họp gia đình ngày 24-3-2011. Tại kết luận giám định số 33/KLGĐ ngày 09-11-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Z xác định chữ ký đứng tên Phạm Thị H trong biên bản họp gia đình ngày 24-3-2011 với các chữ ký đứng tên Phạm Thị H trong các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Người đại diện của người bị kiện là ông Đỗ Văn S - Phó Chủ tịch UBND huyện Y trình bày:

Theo hồ sơ địa chính được lập thực hiện theo chỉ thị 299/TTg ngày 10-11-1980 thì thửa đất nêu trên được đo vẽ tại tờ bản đồ số 09 thửa 163 diện tích 544 m² loại đất thổ cư được đăng ký chủ sử dụng là cụ K. Năm 1991 thực hiện đo vẽ lại để cấp GCN QSD đất thì thửa đất nêu trên thuộc thửa 158 tờ bản đồ số 3 diện tích 475 m² đăng ký tên cụ Đặng Thị F. Năm 2002 cụ F đứng ra kê

khai thủ tục đề nghị cấp GCN QSD đất đến ngày 30-12-2003 được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận QSD số Q 314512 mang tên cụ Đặng Thị F.

Ngày 24-3-2011 tại gia đình cụ F tổ chức họp gia đình và thống nhất giao quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho vợ chồng anh D, chị B và được lập thành biên bản họp gia đình và được UBND xã X xác nhận về thành phần dự họp, nội dung cuộc họp đồng thời chuyển hồ sơ đến cấp có thẩm quyền. Căn cứ hồ sơ do xã chuyển đến, ngày 29-3-2011 Văn phòng đăng ký QSD đất và phòng Tài nguyên và môi trường thực hiện việc đăng ký biến động về quyền sử dụng đất mang tên anh D, chị B vào trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không lập hồ sơ cấp GCN QSD đất mới. Sau khi nhận quyền sử dụng thửa đất, ngày 21-01-2015 anh D, chị B chuyển nhượng 191 m² đất cho anh T, chị O, sau đó anh T chị O được cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất nhận chuyển nhượng, còn anh D được cấp GCN QSD đất đối với phần diện tích đất còn lại thể hiện tại các GCN QSD số BN 744807 và BN 744808.

UBND huyện Y xác định việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho cụ Đặng Thị F, vợ chồng anh D chị B và vợ chồng anh T chị O đã bảo đảm đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, nội dung và thẩm quyền ký.

Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị H đề nghị hủy giấy chứng nhận QSD đất mang tên cụ Đặng Thị F thì UBND huyện Y không đồng ý vì việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho cụ F căn cứ vào Luật đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998, năm 2001 và cấp cho hộ gia đình, khi đó cụ F là đại diện hộ gia đình nên được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên cụ là đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu hủy GCN QSD đất của vợ chồng anh D, chị B và vợ chồng anh T chị O. Đến nay khi có yêu cầu khởi kiện của bà H và kết luận giám định của Phòng KTHS - Công an tỉnh Z thì UBND huyện Y mới biết chữ ký của bà H trong biên bản họp gia đình ngày 24-3-2011 là giả mạo; do đó, UBND huyện Y đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh T, chị O trình bày: bà H có yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00100 ngày 18-5-2015 diện tích 191 m² tại thửa số 170, tờ bản đồ số 21 mang tên vợ chồng anh chị thì anh chị không đồng ý vì anh chị mua bán đất với vợ chồng anh D là hợp pháp, việc mua bán được thực hiện bằng hợp đồng và được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận, sau đó anh chị làm đơn đề nghị và được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp nên anh chị không đồng ý với yêu cầu của bà H.

Anh chị mua của anh D 191 m² đất trên đất có 02 gian nhà xây mái bằng và một gian nhà bếp, sân bê tông, bể nước, mái tôn. Sau khi mua xong và được cấp giấy chứng nhận thì anh chị làm tường bao, tôn thêm sân, làm cổng bằng cánh sắt.

- Chị C, anh Đ trình bày: đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì anh chị

có liên quan đến diện tích đất mà hiện nay bà H đang yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh D vì anh chị có mua của anh D diện tích đất 279 m² đất vào tháng 8/2017. Việc mua bán hai bên đã làm hợp đồng và được cấp có thẩm quyền công chứng, chứng thực, anh chị đã làm thủ tục gửi đến phòng Tài nguyên và môi trường đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị dừng lại do bà H có tranh chấp đất với anh D. Mặc dù mua đất nhưng anh chị chưa đến ở, trên đất có nhà ba gian mái bằng, một nhà tắm, nhà bếp và một buồng nhỏ. Vợ chồng anh D đã bàn giao nhà đất cho anh chị nhưng khi anh chị chuẩn bị dọn sang ở thì bị bà H ngăn lại không cho sang. Anh chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chị Ng trình bày: chị có tham gia cuộc họp ngày 24-3-2011, vì thời gian đã lâu nên chị không nhớ có những ai tham gia cuộc họp. Bà H khởi kiện đề nghị hủy giấy chứng nhận QSD đất của cụ F và của anh D thì chị không đồng ý vì bà H đi lấy chồng hưởng phúc đức nhà chồng và cũng có đất ở, còn thửa đất này là của bố mẹ chị nên khi bố mẹ chị mất thì anh D là con nên được hưởng.

- Bà Lê Bích A do chị Nguyễn Thị L đại diện theo ủy quyền trình bày đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Chị Th trình bày: chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị không tham dự cuộc họp gia đình ngày 24-3-2011 và cũng không ký vào biên bản nào.

Tại Bản án số 15/2019/HC-ST ngày 25-4-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Z đã căn cứ các điều 30, 32 và 193 Luật tổ tụng hành chính; áp dụng Điều 98, khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013; quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H .

Tuyên hủy trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 360 QSDĐ/GK ngày 30-12-2003 của UBND huyện Y cấp mang tên cụ Đặng Thị F tại thửa số 158, tờ bản đồ số 3 diện tích 475 m² địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z về việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất từ cụ F sang cho vợ chồng anh Phạm Văn D và chị Đỗ Thị Ngọc B.

Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00099 ngày 18-5-2015 do UBND huyện Y cấp mang tên Phạm Văn D và Đỗ Thị Ngọc B tại thửa số 170a, tờ bản đồ số 21 diện tích 279 m² địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 744807 vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH 00100 ngày 18-5-2015 do UBND huyện Y cấp mang tên Phạm Văn T và Bùi Thị O diện tích 191 m² tại thửa số 170, tờ bản đồ số 21 địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với yêu cầu:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 360QSĐĐ/GK ngày 30-12-2003 của UBND huyện Y cấp mang tên cụ Đặng Thị F tại thửa số 158, tờ bản đồ số 3 diện tích 475 m² địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Bà Phạm Thị H và những người cùng hàng thừa kế có quyền đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 26-4-2019, anh Phạm Văn D có đơn kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng anh D, anh T.

Ngày 07-5-2019, anh Phạm Văn T, chị Bùi Thị O có đơn kháng cáo cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh với vợ chồng anh D là hợp pháp, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng anh là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự kháng cáo và người đại diện theo ủy quyền của các đương sự đề nghị chấp nhận các nội dung yêu cầu kháng cáo nêu trên, với lý do: trước đó bà H đã biết diện tích thửa đất đứng tên cụ F đã được tặng cho anh D, chị B và vào đầu năm 2015, bà H đã biết việc vợ chồng anh D chuyển nhượng 01 phần thửa đất trên cho vợ chồng anh T nhưng bà H không khởi kiện; đến ngày 08-11-2017, bà H khởi kiện thì thời hiệu đã hết. Ngoài ra, thửa đất nêu trên là thuộc quyền sử dụng của cá nhân cụ F, không phải của hộ gia đình, không phải là tài sản để phân chia thừa kế; việc nhận chuyển nhượng đất giữa của vợ chồng anh T với vợ chồng anh D là ngay tình, đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự là đúng, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo nêu trên và đề nghị xét xử vắng mặt bà H (không hoãn phiên tòa).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng

Bà Phạm Thị H có đơn xin hoãn phiên tòa phúc thẩm ngày 26-8-2020; tuy nhiên, vụ án đã được triệu tập lần thứ 3; các đương sự kháng cáo đều có mặt tại phiên tòa; căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết

Ngày 30-12-2003, UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận QSD đất số Q

314512 mang tên cụ Đặng Thị F tại thửa đất số 158 tờ bản đồ số 3 diện tích 475 m² có địa chỉ tại thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Ngày 18-5-2015, UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên Phạm Văn D và Đỗ Thị Ngọc B tại thửa số 170a, tờ bản đồ số 21 diện tích 279 m² địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Ngày 18-5-2015, UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên Phạm Văn T và Bùi Thị O tại thửa số 170, tờ bản đồ số 21 diện tích 191 m² địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Vào tháng 8/2017, khi vợ chồng anh D chuyển nhượng toàn bộ diện tích 279 m² còn lại nêu trên cho vợ chồng anh Đ, chị C, thì bà Phạm Thị H mới biết việc UBND huyện Y đã cấp các giấy chứng nhận QSD đất cho cụ F, sau đó chuyển nhượng cho vợ chồng anh D chị B, vợ chồng anh T chị O, thời điểm này mới biết quyền lợi hợp pháp của bà đã bị xâm phạm, nên mới nộp đơn khởi kiện vào ngày 08-11-2017 yêu cầu hủy các quyết định hành chính là các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là bảo đảm thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Z thụ lý, giải quyết là đúng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải người khởi kiện rút yêu cầu chia di sản thừa kế nên Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy xác nhận tại trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ F về việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất từ cụ F sang cho vợ chồng anh D, chị B liên quan đến các quyết định đã bị khởi kiện nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận xem xét yêu cầu bổ sung này là có căn cứ.

[3]. Về nội dung

- Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị H đề nghị hủy giấy chứng nhận QSD đất số Q 314512 do UBND huyện Y cấp ngày 30-12-2003 mang tên cụ Đặng Thị F tại thửa đất số 158 tờ bản đồ số 3 diện tích 475 m² có địa chỉ tại thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z

Thửa đất nêu trên có nguồn gốc theo hồ sơ địa chính được lập theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10-11-1980 được đăng ký chủ sử dụng mang tên cụ Phạm Văn K (cụ K là chồng cụ F). Năm 1986 cụ K mất, đến năm 1991 tiến hành đo đạc lập hồ sơ địa chính để cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân, lúc này cụ K đã mất nên thửa đất nêu trên được đứng tên cụ Đặng Thị F là vợ cụ K. Năm 2002 cụ F đứng ra kê khai thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất này và đến ngày 30-12-2003 được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên cụ Đặng Thị F.

Theo quy định của Luật đất đai 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998 và năm 2001 thì việc cụ F kê khai quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 là phù hợp quy định tại thời điểm đó; do đó, UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận QSD đất số Q 314512 cho cụ F là đúng,

nên bà Phạm Thị H yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất mang tên cụ Đặng Thị F là không có căn cứ.

- Đối với yêu cầu xem xét trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ F về việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất từ cụ F sang cho vợ chồng anh D, chị B.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định diện tích đất và tài sản trên đất đăng ký tên cụ Đặng Thị F là di sản của cụ Phạm Văn K và tài sản của cụ F nên cụ F không thể định đoạt cho anh D, chị B toàn bộ mà chỉ có quyền định đoạt $\frac{1}{2}$ nghĩa là phần tài sản của cụ F. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H, chị Huệ không đồng ý việc cụ F cho toàn bộ tài sản nên việc cụ F tặng cho toàn bộ tài sản cho vợ chồng anh D đã ảnh hưởng đến quyền lợi của những người này. Theo kết luận giám định chữ ký đứng tên bà Phạm Thị H trong Biên bản họp gia đình ngày 24-3-2011 về việc thỏa thuận giao toàn bộ thửa đất nêu trên cho vợ chồng anh D là giả mạo, không phải là chữ ký của bà H. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất từ cụ F sang cho vợ chồng anh D là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị H đề nghị hủy giấy chứng nhận QSD đất do UBND huyện Y cấp ngày 18-5-2015 mang tên Phạm Văn T và Bùi Thị O tại thửa số 170, tờ bản đồ số 21 diện tích 191 m² và hủy giấy chứng nhận QSD đất do UBND huyện Y cấp ngày 18-5-2015 mang tên Phạm Văn D và Đỗ Thị Ngọc B tại thửa số 170a, tờ bản đồ số 21 diện tích 279 m² đều có địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Xét thấy, diện tích 475 m² đã được làm thủ tục tặng cho vợ chồng anh D ngày 28-3-2011 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Phòng tài nguyên môi trường huyện Y thực hiện đăng ký biến động từ cụ F sang anh D, chị B ngày 29-3-2011 là chưa bảo đảm quyền và lợi ích của những người khác là bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Hiệp là người có quyền lợi liên quan về thừa kế đối với di sản của cụ K. Cụ F chỉ có quyền tặng cho $\frac{1}{2}$ diện tích đất và tài sản của cụ F và cụ K như nhận xét ở trên việc cụ F tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất, tài sản trên đất của cụ K và cụ F cho anh D, chị B là không hợp pháp nên sau khi nhận tặng cho anh D, chị B bán một phần diện tích đất, tài sản trên đất cho vợ chồng anh T, chị O. Sau đó anh T, chị O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích nhận chuyển nhượng, còn vợ chồng anh D chị B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất còn lại, nên có cơ sở để xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, chị O và anh D, chị B là không hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định để hủy giấy chứng nhận QSD đất do UBND huyện Y cấp ngày 18-5-2015 mang tên Phạm Văn T và Bùi Thị O tại thửa số 170, tờ bản đồ số 21 diện tích 191 m² và hủy giấy chứng nhận QSD đất do UBND huyện Y cấp ngày 18-5-2015 mang tên Phạm Văn D và Đỗ Thị Ngọc B tại thửa số 170a, tờ bản đồ số 21 diện tích 279 m² đều có địa chỉ: thôn G, xã X, huyện Y, tỉnh Z là đúng pháp luật.

- Tháng 5/2015 anh D, chị B chuyển nhượng đất và tài sản trên đất cho vợ chồng anh T, chị O; ngoài ra, tháng 8/2017 anh D chị B đã bán cho vợ chồng anh Đ chị C phần diện tích đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên vợ chồng anh D nhưng khi tiến hành các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền thì xảy ra tranh chấp nên chưa thực hiện được. Trong vụ án hành chính này không xem xét giải quyết việc mua bán chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng anh T cũng như giữa vợ chồng anh Đ với vợ chồng anh D, chị B, nếu có tranh chấp các bên có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

Với các lý do trên, xét thấy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các anh Phạm Văn D, Phạm Văn T và chị Bùi Thị O.

[4]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận, nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; bác kháng cáo của anh Phạm Văn T, chị Bùi Thị O và kháng cáo của anh Phạm Văn D. Giữ nguyên quyết định của Bản án số 15/2019/HC-ST ngày 25-4-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

2. Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Anh Phạm Văn D phải nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận anh T đã nộp số tiền trên vào ngày 09-7-2019 và anh Phạm Văn D đã nộp số tiền trên vào ngày 28-5-2019, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Z.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuyền

Nguyễn Hải Thanh

Nguyễn Tất Nam

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Z;
- VKSND tỉnh Z;
- Cục THA dân sự tỉnh Z;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phách

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Nguyễn Tất Nam

